

Tư tưởng của Trần Đức Thảo về nguồn gốc của ngôn ngữ và ý thức

Hoàng Thúc Lân *

Tóm tắt: Tư tưởng biện chứng duy vật của Trần Đức Thảo về nguồn gốc ngôn ngữ và ý thức được thể hiện khá đậm nét trong triết học của ông. Để luận giải sâu sắc, khoa học về sự xuất hiện ngôn ngữ và ý thức trong con người, Trần Đức Thảo đã so sánh sự tiến hóa của các loài động vật với sự phát triển của con người. Đồng thời, ông còn vận dụng sáng tạo các nguyên tắc khách quan, toàn diện, lịch sử cụ thể, cùng các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật vào luận giải quá trình hình thành ngôn ngữ và ý thức. Ông đã chỉ rõ mối liên hệ nhân quả giữa não bộ, các giác quan với đời sống tinh thần, ý thức của con người và mối liên hệ biện chứng giữa cái sinh học, cái xã hội và tâm thần trong ý thức con người. Ông khẳng định rằng tâm lý người tiến hóa từ tâm lý động vật; ngôn ngữ, ý thức là sự thống nhất biện chứng giữa cái khách quan và chủ quan. Tư tưởng biện chứng duy vật về ngôn ngữ và ý thức của Trần Đức Thảo đã cống hiến cho nền triết học Việt Nam nói riêng và triết học nhân loại nói chung những giá trị sâu sắc và quý báu.

Từ khóa: Trần Đức Thảo; ngôn ngữ; ý thức; duy vật; biện chứng.

1. Mở đầu

Phương pháp biện chứng duy vật là cách thức xem xét sự vật một cách khoa học. Phương pháp biện chứng duy vật thể hiện ở các nguyên tắc như khách quan, toàn diện, lịch sử cụ thể, phát triển, thống nhất giữa lý luận và thực tiễn... Các nguyên tắc này được rút ra từ cách giải quyết biện chứng duy vật về các vấn đề của triết học. Trần Đức Thảo đã vận dụng sáng tạo các nguyên tắc trên để nghiên cứu về nhiều vấn đề của triết học, trong đó có vấn đề nguồn gốc của ngôn ngữ và ý thức. Trần Đức Thảo khẳng định: “Chính phép biện chứng mới là phương pháp tư duy toàn diện. Khi nghiên cứu về vấn đề con người thì phải nhận thức rằng, lịch sử loài người là một quá trình thống nhất biện chứng. Do đó, cần nhận thức con người trong mâu thuẫn và quan hệ “mỗi người là bản thân nó, con người giai

cấp và đồng thời là cái khác, tức là con người nhân cách, với những xu hướng, đòi hỏi, giá trị tinh thần đã sinh ra và phát triển từ thời cộng sản nguyên thủy” [7, tr.83 - 84]. Trần Đức Thảo có đóng góp đáng kể vào kho tàng văn hóa triết học của nhân loại. Sự sáng tạo triết học của Trần Đức Thảo được đánh dấu bằng các tác phẩm *Hiện tượng học và chủ nghĩa duy vật biện chứng*, *Tìm cội nguồn của ngôn ngữ và ý thức*. Trong tác phẩm *Tìm cội nguồn của ngôn ngữ và ý thức*, ông đã vận dụng sáng tạo các nguyên tắc biện chứng duy vật để luận giải về nguồn gốc ra đời của ngôn ngữ và ý thức của con người. Tư tưởng của Trần Đức Thảo về nguồn gốc của ngôn ngữ và ý thức có tính duy vật và biện chứng. Bài viết

(*) Tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
ĐT: 0977531719. Email: hoangthuculan@gmail.com.

này trình bày nội dung cơ bản trong tư tưởng biện chứng duy vật của Trần Đức Thảo về nguồn gốc của ngôn ngữ và ý thức.

2. Tư tưởng duy vật về nguồn gốc ngôn ngữ và ý thức

Trần Đức Thảo đã vận dụng nhiều nội dung của phép biện chứng duy vật để luận giải một cách khoa học về sự ra đời của ngôn ngữ và ý thức. Ông so sánh con người với các loài động vật khác để làm nổi bật đặc điểm riêng có của con người, nguồn gốc của ngôn ngữ và ý thức, quá trình hình thành và phát triển giống người. Nghiên cứu về sự hình thành ngôn ngữ và ý thức, Trần Đức Thảo dựa trên quan điểm duy vật của C.Mác. Trên tinh thần đó, ông khẳng định ngôn ngữ và ý thức có nguồn gốc từ tự nhiên và xã hội. Quan niệm này của Trần Đức Thảo đồng nhất với quan điểm duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, song vẫn mang nét riêng trong tư duy triết học của ông.

Để nghiên cứu và làm sáng tỏ bản chất khoa học cho sự ra đời ý thức con người, Trần Đức Thảo đã đứng vững trên lập trường duy vật biện chứng. Tư tưởng biện chứng của ông được thể hiện qua việc vận dụng sáng tạo các nguyên tắc biện chứng duy vật vào luận giải đúng đắn cội nguồn của sự ra đời ngôn ngữ và ý thức. Các trào lưu triết học trước C.Mác đều giải thích sai lệch hay thiếu triệt để về sự ra đời của ý thức. Chẳng hạn chủ nghĩa duy tâm cho rằng ý thức do lực lượng siêu nhiên sinh ra, còn chủ nghĩa duy vật siêu hình lại cho rằng, óc sinh ra ý thức như gan tiết ra mật... Trần Đức Thảo đã khắc phục hạn chế của các quan niệm trên, đi sâu nghiên cứu chức năng, vai trò và sự tác động biện chứng giữa não bộ và các giác quan, các chi để lý giải sự hình thành và phát triển đời sống tinh thần, tâm lý, ý thức con người. Sự ra đời của ý thức theo ông là do thân kinh vận động trong sự tác động biện chứng giữa

năng lượng thần kinh, năng lượng tâm thần diễn ra trong bộ óc của con người. Đồng thời, ông cũng khẳng định rằng ý thức của con người là sự thống nhất biện chứng giữa cái khách quan và cái chủ quan. Quan điểm của ông giống quan điểm của C.Mác khi khẳng định ý thức có nguồn gốc từ não người trong quá trình phản ánh sáng tạo thế giới khách quan.

Trần Đức Thảo so sánh sự phát triển của con người với các loài động vật khác để luận giải khoa học về phát triển tâm lý, ý thức con người. Ông đã vận dụng sáng tạo quy luật chuyển hóa dần về lượng dẫn đến thay đổi về chất và ngược lại để phân tích và làm sáng tỏ sự khác nhau về chất trong mỗi giai đoạn phát triển của con người. Điều đó được minh chứng qua quá trình tiến hóa chuyên từ khi cao cấp sang người khéo, rồi đến người khôn. Sự khác biệt giữa khi cao cấp và người khéo với người khôn thể hiện ở sự khác biệt cơ bản về đặc tính xã hội trong cộng đồng của chúng... Ông đã dựa vào các hoạt động và phản xạ của con vật để giải thích sự hình thành cử chỉ của con người, điều này tạo nên sự khác biệt cơ bản trong quan niệm của Trần Đức Thảo so với các nhà triết học duy tâm trước đó (triết học duy tâm cho rằng thần thánh hay chúa trời sinh ra con người).

Trong *Tìm về cội nguồn của ngôn ngữ và ý thức*, Trần Đức Thảo đã nghiên cứu sự hình thành ý thức theo hai con đường: cử chỉ ngôn ngữ trẻ em và tư liệu của người tiền sử. Sự ra đời của ý thức đi từ cử chỉ vòng cung, đến cử chỉ đường thẳng, rồi đến ý thức rời rạc và hình ảnh thiên tính; ý tưởng hóa cử chỉ biểu đạt rồi ý thức ra đời. Trong giới động vật, mỗi con vật hoạt động theo hệ thống phản xạ cá thể của nó để bảo vệ sự sống của bản thân. Phản xạ cá thể động vật là do cái hệ thống bản năng xuất phát từ những nhu cầu cơ bản của sự sống quy định.

Khi lý giải về sự tiến hóa của thế giới vật chất trong quá trình vận động, Trần Đức Thảo đã đi từ nghiên cứu các điều kiện sống và phản xạ của loài cá đến loài chim, gà, voi, trâu, bò; đã chỉ ra sự giống và khác nhau giữa chúng; đồng thời so sánh biểu hiện phản xạ đó với sự phát triển ý thức của mỗi con người [8]. Ở lớp cá, phản xạ tập đoàn xuất hiện được coi là một loại phản xạ rất đặc biệt, thể hiện phổ biến ở tuổi trẻ. Cá bột, con nòng nọc bao giờ cũng bơi với nhau, nương tựa và bảo vệ nhau, con nào tách ra ngoài cái khối chung thì không thể sống sót, bất kỳ con vật ăn thịt nào trong nước cũng có thể nuốt nó liền. Những con chim con, gà con, voi con, chó con, mèo con cũng vậy; bao giờ chúng cũng đi với nhau, dù có hay không có mẹ dẫn đường. Rồi đến những loài khỉ mà mỗi lứa chỉ có một con, nhưng khi những con khỉ con không còn bú mẹ, thì chúng tập hợp lại thành nhóm. Nếu con nào tách ra khỏi nhóm, thì không thể nào giữ được an toàn. Vì thế, phản xạ tập đoàn là điều kiện, tiền đề tồn tại của cá thể loài ở mỗi loài động vật. Bắt đầu từ lớp cá, khi những con vật nhỏ lớn lên, thì trong một số loài, chúng mất *phản xạ tập đoàn* để tiến hành đời sống riêng lẻ. Nhưng đa số các loài động vật thì vẫn duy trì phản xạ đó và phát triển lên thành một số cử chỉ tập đoàn. Trong hoạt động phản xạ của con vật, đây là mặt khác biệt, đối lập với hệ thống phản xạ cá thể, xuất phát từ bản năng, tức là đối lập với tính động vật. Sở dĩ sinh ra mặt đối lập như thế là do sự lựa chọn tự nhiên. Đời sống tập thể là điều kiện bảo vệ tốt hơn, sinh ra những *phản xạ tập thể*, lúc đầu là có điều kiện, về sau là sự lựa chọn tự nhiên làm cho cái hình thái phản xạ tập thể trở thành vô điều kiện, tức là bẩm sinh. Điều này đã giúp cho Trần Đức Thảo có cái nhìn toàn diện về sự phát triển thông qua cái nhìn sâu sắc và

phổ biến về sự tiến hóa của con người, và mối liên hệ phổ biến của con người với thế giới khách quan.

3. Tư tưởng biện chứng về nguồn gốc ngôn ngữ và ý thức

Tư tưởng biện chứng về nguồn gốc ngôn ngữ và ý thức của Trần Đức Thảo còn được thể hiện rõ trong so sánh sự khác biệt cơ bản giữa tâm lý động vật đặc biệt là tâm lý giữa loài khỉ cao cấp với tâm lý của con người. Ông so sánh sự khác biệt về tập tính của loài động vật và chỉ rõ nguyên nhân của sự khác biệt đó để lý giải sự khác biệt con người với động vật. Trần Đức Thảo đã dựa vào sự tiến hóa của cơ thể loài vật để khẳng định rằng, tính bầy đàn của các loài động vật khác nhau thì tính tổ chức và chặt chẽ cũng có sự phân cấp khác nhau. Chẳng hạn, do loài bò, trâu, chó, lợn có sự tiến hóa cơ thể thấp hơn loài khỉ, tinh tinh, nên tính bầy đàn của bò, trâu, chó, lợn thiếu chặt chẽ, thiếu tính tổ chức hơn. Tính bầy đàn của khỉ và tinh tinh có sự liên kết chặt chẽ hơn, có tính tổ chức hơn; chúng đã biết phân biệt ngôi thứ, đi săn, chia quả, chống chọi kẻ thù thông qua sự chỉ hiệu của con vật đầu đàn... Điều này đã xuất hiện những dấu hiệu gần giống con người. Sở dĩ loài khỉ và tinh tinh có đặc tính như vậy là do sự tiến hóa của não bộ, nhiễm sắc thể của chúng có sự chênh lệch, cao hơn so với động vật khác. Để hiểu được sự khác biệt đó cần có các quan điểm khách quan, toàn diện, lịch sử cụ thể... tức là cần có tư duy biện chứng duy vật.

Trần Đức Thảo đã dựa vào trình độ của sự phát triển động vật để chia làm hai loại: động vật bậc thấp và động vật bậc cao. Sự phát triển của động vật từ thấp đến cao, với mỗi trình độ phát triển nhất định của vật chất đều gắn với cơ chế phản xạ thích ứng. Ở động vật bậc thấp (động vật không xương sống), quan hệ giữa các cá thể được quy định theo những đặc điểm hữu cơ và đời

sống tập thể tiến hành hầu như máy móc, diễn ra chủ yếu theo những phản xạ không điều kiện. Tính tổ chức cao nhất trên con đường này thể hiện ở loài ong. Ở động vật có xương sống thì quan hệ giữa các cá thể phát triển ngày càng mềm dẻo, phong phú, do vai trò ngày càng tăng của những phản xạ có điều kiện so với vai trò của những âm hiệu và chỉ hiệu. Trong quan hệ với tự nhiên và cộng đồng, ở động vật có xương sống đã xuất hiện phản xạ tập đoàn (bao gồm phản xạ tập thể và những phản xạ liên hệ với tập đoàn). Sự lựa chọn tự nhiên làm cho một số phản xạ tập đoàn trở thành vô điều kiện. Tính tập đoàn đối lập với tính cá thể động vật, điều đó xuất phát từ bản năng thỏa mãn nhu cầu cơ bản của sự sống. Theo Ph.Ăngghen: “Các tổ tiên người - vượn của chúng ta là những động vật có tính hợp quần; rõ ràng là không thể kết luận rằng con người, tức là một loài động vật có tính hợp quần hơn hết, lại là do một tổ tiên gần nhất không có tính hợp quần sinh ra” [3, tr.644].

Trần Đức Thảo khẳng định rằng, tổ tiên của loài người được bắt nguồn từ loài khỉ theo quy luật tiến hóa của bộ óc diễn ra từ thấp đến cao, nó phải qua những trình độ tổ chức nhất định trong lớp thú và bộ linh trưởng. Tất cả các loài khỉ hiện nay đều sống tập đoàn, như Ph.Ăngghen đã từng khẳng định: “động vật có tính tập đoàn cao nhất”. Nhờ phân tích trên, Trần Đức Thảo đã chia quá trình phát triển của ý thức thành các dạng từ đơn giản đến phức tạp, đã so sánh các phản xạ của động vật với phản xạ của con người, đã khẳng định tương ứng với các hình thức vận động của vật chất ở các cấp độ khác nhau là các cấp độ phản ánh, đã luận giải quá trình hình thành và sự khác biệt về chất giữa con người với con vật ở năng lực hình thành và phát triển ý thức con người. Điều đó là sự thể hiện quan điểm biện chứng duy vật, chống lại các

quan điểm duy tâm siêu hình khi nghiên cứu con người và xã hội.

Trần Đức Thảo đã lý giải các giai đoạn phát triển khách quan và khẳng định, phản xạ của con người cũng được diễn ra theo quy luật khách quan, vốn có của sự tiến hóa vật chất. Sở dĩ loài khỉ cao cấp phát triển thành con người là do nguồn gốc xã hội. Điều này được Ph.Ăngghen khẳng định: “Theo tôi thì bản năng xã hội là một trong những đòn bẩy quan trọng của sự phát triển của con người từ khỉ” [2, tr.598 - 599]. Chính vì vậy, khi nghiên cứu triết học về cử chỉ của con người trong những giai đoạn phát triển cụ thể, Trần Đức Thảo dựa vào trình độ phát triển của cơ thể để luận giải sự hình thành và phát triển ý thức của con người trong sự tiến hóa của các loài. Trần Đức Thảo đã khẳng định rằng sự hình thành và phát triển của tâm lý, ý thức của con người diễn ra theo quá trình từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp. Sự hình thành con người trải qua quá trình tiến hóa lâu dài, đi từ khỉ cao cấp rồi chuyển thành người khéo, tiếp đó đến người khôn. Mỗi giai đoạn phát triển lại gắn với trình độ tâm lý khác nhau. Ông viết: “Đến 12 tháng tuổi, nó đạt tới độ tuổi của loài tinh tinh. Nó ngồi ở tư thế rất thẳng. Nó cho một khối vuông đổi lấy một khối khác, nó lấy đồ chơi đập vào một đồ chơi khác, nắm một đầu sợi chỉ và kéo về phía mình một đồ vật buộc vào đầu dây kia. Nó biết cười với hình ảnh của mình trong gương. Nó có thể dặt tay đi, học vỗ tay hoan hô và vẫy tay tạm biệt. Tất cả những điều kỳ tích này thuộc về trình độ loài tinh tinh. Đến 14 tháng tuổi, nó biết làm động tác chỉ, hành vi này là đặc điểm thuộc về trình độ loài Vượn phương Nam phát triển, điều này được khẳng định bằng khả năng của đứa bé có thể tự nó đi trên đôi chân của mình. Từ 12 đến 14 tháng tuổi, việc sử dụng các tín hiệu tiền ngôn ngữ của

đưa trẻ cho phép ta coi hoạt động thần kinh của nó là *tiền sống trái* và *tiền tâm lý*, điều xác định một trình độ cao nhất của động vật. Đến 15 tháng tuổi xuất hiện bước nhảy vọt cơ bản về chất chuyển từ tính động vật sang tính người dưới hình thức khởi nguyên của *Con người khéo léo*. Từ 15 tháng đến 5 tuổi, việc hình thành ngôn ngữ và ý hoạt động tâm lý (bao gồm cái sống trái, ý thức, tiềm thức và vô thức), được nhịp độ chín muồi của vỏ não tạo điều kiện và được các truyền thống giáo dục của cộng đồng gia đình thúc đẩy, lấy lại các ý nghĩa và giá trị xã hội về tâm lý thuộc loại con người trong phép biện chứng về sự phát triển lịch sử của nó, từ cộng đồng địa phương các Con người khéo léo đến bộ lạc đang phát triển của *Người thời đại đồ đá giữa* và *Người thời đại đồ đá mới đầu tiên* [5].

Trần Đức Thảo đã chỉ rõ nguyên nhân của sự khác biệt giữa ý thức con người so với tâm lý con vật. Ông chứng minh rằng: sự xuất hiện tâm lý không thể tách rời mặt sinh vật trong con người vốn có tiền sử từ xa xưa trong sự xuất hiện giống loài, nghĩa là trong sự xuất hiện của tế bào thần kinh cho đến lúc thần kinh phát triển thành não bộ. Ở loài khỉ, hộp sọ là 500 cm^3 , đến người khéo là 700 cm^3 , và người khôn là 1.200 cm^3 , đến người tinh khôn là 1.300 cm^3 . Sự phát triển của thần kinh và não bộ gắn liền với tập tính của loài động vật, ở loài khỉ là biết sống theo tập đoàn, ở loài cao cấp là biết sống theo tập đoàn ít nhiều có tính tổ chức, ở loài người là biết sống thành xã hội. Trong tác phẩm này, việc chỉ rõ điểm xuất phát của xã hội loài người là từ đâu, ở đâu chính là sự sáng tạo của Trần Đức Thảo. Việc Trần Đức Thảo chỉ rõ rằng, sự khác biệt cơ bản về cấu trúc não bộ của loài khỉ so với người khéo và người khôn cũng như với con người ngày nay là sự khác biệt giữa tâm lý với ý thức của con người. Ông đã

dựa trên quan điểm khách quan, toàn diện để phân tích và luận giải sự khác biệt đó một cách thuyết phục, khiến cho chúng ta thấy quan điểm này giống quan điểm của C.Mác - Ph.Ăngghen, song vẫn tạo nên nét độc đáo trong tư duy triết học của ông.

Trần Đức Thảo khẳng định, sự khác nhau giữa loài vượn và con người thể hiện ở sự khác biệt giữa cái tâm thần cảm giác vận động của động vật với cái tâm thần hữu thức của con người. Vì thế, mà ở loài vượn, hoạt động thích nghi của nó chỉ làm cho lao động thích nghi khéo léo; nó không có khả năng chế tạo công cụ lao động, lao động thích nghi có ở loài vượn cũng không đạt tới hình thức sản xuất đặc thù của con người. Con người không chỉ là động vật biết tư duy mà còn có ngôn ngữ, có khả năng chế tạo, sử dụng công cụ lao động. Trần Đức Thảo kết luận rằng vượn người không có cử chỉ chỉ dẫn bằng dấu hiệu sơ đẳng nhất nên nó không có ý thức.

Trần Đức Thảo dựa vào sự tiến hóa của động vật để lý giải khoa học về nguồn gốc của ý thức. Gốc rễ, cội nguồn của sự tiến hóa động vật là sự phát triển hoạt động vận dụng cụ tính, thực sự tạo bước chuyển từ vượn người sang giai đoạn loài người. Ý thức phải được khảo cứu ở trong “tính hiện thực trực tiếp”. Ngôn ngữ bắt đầu từ lao động thích nghi của người vượn. Tuy nhiên, ông cũng khẳng định sự khác biệt giữa con người và vượn ở chỗ: chỉ con người mới có được ngôn ngữ và cách chế tạo công cụ lao động, chỉ trở là nét riêng của con người. Sự chỉ của con vật chỉ diễn ra theo lối vòng cung, con vật không có khái niệm khoảng cách, nó vô thặng vào vật mình cần. Con vượn tuy tri giác sự vật ở bên ngoài, nhưng đối tượng là cái nó có thể đụng tới trực tiếp hay qua một trung gian (cái gậy). Loài vượn Nam Phương (đã đi hai chân trên mặt đất, trong quá trình tiến hóa thích nghi với các

điều kiện khó khăn của môi trường bao quanh) đã biết sử dụng một số đối tượng tự nhiên với tư cách là dụng cụ, có sẵn, không hề có chức năng công cụ tự nó. Loài vượn này đã thốt lên được một số âm thanh có tính chất tình thế, không có ý nghĩa chỉ đối tượng, tức là chưa có ý nghĩa chỉ trở theo nghĩa đen. Cử chỉ đó đồng thời có chức năng kêu gọi và cũng thể hiện bằng tiếng cảm thán của con người hay con vật được tập thể đáp lại... Con người thì chỉ thẳng vào vật mình cần. Khi ngón tay trở vào cái vật ở bên ngoài xa mình, thì khái niệm vật mang nghĩa là hiện thực khách quan đem lại cho con người trong cảm giác [4].

Từ việc so sánh quá trình hình thành, phát triển của ý thức con người và vượn người, Trần Đức Thảo đi đến kết luận rằng ý thức con người phải trải qua nhiều bước trung gian từ thấp đến cao và phải vượt qua giai đoạn của vượn người. Cụ thể, sự phát triển của ý thức con người đi từ bước thứ nhất (ý thức rời rạc) đến bước thứ hai (ý thức tập thể) và bước thứ ba (hình thành cái tôi). Lúc đó ý thức mới ra đời. Ở bước thứ nhất và bước thứ hai, loài vượn người đạt được, chúng ý thức được các hiện tượng đơn lẻ bên ngoài và tìm ra được cử chỉ hay cách diễn đạt bằng âm thanh để thể hiện cái vật mình muốn chỉ trở bằng một dấu hiệu riêng. Chỉ có con người mới đạt được tới bước thứ ba, hình thành cái tôi của mình trong quan hệ với cộng đồng xã hội.

Trần Đức Thảo đã luận giải sự hình thành và phát triển ý thức con người thông qua việc so sánh sự phát triển của con người so với trình độ tiến hóa của các loài động vật không xương sống và động vật có xương sống; chỉ ra cơ chế hình thành phản xạ trong mỗi loài động vật và sự tiến hóa của loài vượn thành người. Trên cơ sở đó, ông cũng chỉ rõ sự khác biệt cơ bản của loài người so với động vật khác, đó chính là cội

nguồn của ý thức con người. Điều đó đã góp phần chống lại các quan điểm duy tâm, siêu hình của các nhà triết học trước đó khi nghiên cứu con người; khẳng định giá trị khoa học của quan điểm duy vật biện chứng trong tiếp cận về ngôn ngữ và ý thức.

Trần Đức Thảo khẳng định rằng tiêu chí để đánh giá sự phát triển ý thức của con người là tính xã hội. Tính xã hội của con tinh tinh khác với tính xã hội của con người về cấp độ và trình độ. Nếu như con tinh tinh ít nhiều mang tính xã hội, thì người khéo đã mang tính xã hội rõ rệt, bởi người khéo vừa là kết quả vận động tự nhiên, vừa là chủ nhân của tự nhiên và lịch sử. Giống như quan điểm của C.Mác, Trần Đức Thảo cũng khẳng định vai trò của lao động trong việc hình thành ngôn ngữ và ý thức của con người. Thông qua quá trình lao động, con người đã chế tạo công cụ lao động làm cho sản phẩm dư thừa, xuất hiện quan hệ sở hữu chung và sở hữu riêng trong quan hệ cộng đồng. Chính mối quan hệ sở hữu chung và riêng đó là cội nguồn của ngôn ngữ và ý thức. Theo Ph.Ăngghen: “Trước hết là lao động; sau lao động và đồng thời với lao động là ngôn ngữ; đó là hai sức kích thích chủ yếu đã ảnh hưởng đến bộ óc của con vượn, làm cho bộ óc đó dần dần biến chuyển thành bộ óc người” [3, tr.646]. Trần Đức Thảo khẳng định, trong quan hệ với cộng đồng, con người buộc phải trao đổi thông tin với người khác; đó là cơ sở, cội nguồn để ngôn ngữ, ý thức ra đời. Ngôn ngữ và ý thức là một trong những giá trị được sở hữu quan trọng nhất trong con người, bởi vì không có ngôn ngữ và ý thức, thì con người không thể liên hệ với nhau để sống và duy trì sự sống, không thể tiến hành sản xuất.

Trần Đức Thảo đặc biệt nhấn mạnh đến tính xã hội của ngôn ngữ và ý thức. Ngôn ngữ và ý thức vừa là sản phẩm của xã hội,

vừa là kết quả của các quan hệ xã hội phát triển, được phản ánh vào trong đầu óc con người; môi trường, tính chất, trình độ phát triển xã hội khác nhau thì ngôn ngữ khác nhau. Con người sáng tạo ra ngôn ngữ như là cái vỏ vật chất để chứa đựng những quan hệ hiện thực xảy ra trong đời sống. C.Mác khẳng định: ngôn ngữ là cái vỏ vật chất của tư duy. Kế thừa quan điểm đó, Trần Đức Thảo đã sáng tạo ra lý thuyết về sự vận động của hình ảnh thân thể xã hội có trong bản thân và hình ảnh của chính bản thân được phản ánh vào trong óc người.

Trần Đức Thảo so sánh sự khác biệt căn bản giữa âm hiệu và chỉ hiệu của con người so với loài tinh tinh và luận giải cặn kẽ căn cứ, cội nguồn của sự khác biệt đó. Ông khẳng định, khi con người nói “cái này” thì trước con người phải có đối tượng để chỉ và khi chỉ thì trong đầu con người đã biết là có cái gì. Bản chất của âm hiệu và chỉ hiệu của con người khác hoàn toàn với tiếng kêu của loài tinh tinh. Âm hiệu và chỉ hiệu của loài vượn người chỉ phát triển một số lượng hết sức tối thiểu, còn ngôn ngữ và hành vi của con người thì phát triển với một tần số vô cùng, trong quá trình con người lao động để cải tạo thế giới, cải tạo chính mình. Điều đó chính là sự vận động biện chứng của hiện tượng tinh thần, cái lực lượng mang bản chất người mà Husserl mơ hồ cho đó là lực lượng vật chất. Trần Đức Thảo đã chỉ rõ, lực lượng vật chất ấy chính là sự chuyên hóa mang tính biện chứng giữa năng lượng thần kinh và năng lượng tâm thần.

4. Kết luận

Tư tưởng biện chứng duy vật của Trần Đức Thảo về ngôn ngữ và ý thức của con người đã góp phần khắc phục sai lầm của tư tưởng duy tâm siêu hình về con người. Tư tưởng đó giúp ta hiểu sâu sắc về sự hình thành và phát triển ngôn ngữ và ý thức, nắm bắt khuynh hướng tất yếu trong sự vận động của lịch sử xã hội loài người. Muốn

xây dựng xã hội mới tốt đẹp, chúng ta phải có những hiểu biết đúng đắn, sâu sắc, khoa học về con người và tôn trọng quyền con người như là sản phẩm tất yếu của sự sống. Ngôn ngữ và ý thức ra đời dựa trên nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc xã hội, là sự thống nhất giữa cái sinh học và cái xã hội, diễn ra như một dòng chảy của loài người. Vì vậy, muốn nhận thức và giải quyết đúng đắn những vấn đề liên quan đến cuộc sống của con người chúng ta cần hiểu đúng về nguồn gốc, bản chất của sự hình thành và phát triển của ngôn ngữ và ý thức con người. Trần Đức Thảo có đóng góp quan trọng trong việc lý giải nguồn gốc của ngôn ngữ và ý thức của con người. Tư tưởng đó cũng như các tư tưởng triết học khác của Trần Đức Thảo cần được ghi nhận như là một đóng góp cho chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Đình Chú (1993), “Giáo sư triết học Trần Đức Thảo”, Báo *Giáo dục và thời đại*, số 23.
- [2] C.Mác, Ph.Ăngghen (1983), *Tuyển tập*, t.4, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [3] C.Mác, Ph.Ăngghen (2002), *Biện chứng của tự nhiên*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Phan Ngọc (2000), “Về công trình “Tìm hiểu nguồn gốc ngôn ngữ và ý thức” của cố giáo sư Trần Đức Thảo (Nhân dịp xét tặng giải thưởng Hồ Chí Minh)”, *Tiền Phong chủ nhật*, số 22 - 23.
- [5] Trần Đức Thảo (1973), *Recherches sur l'origine du langage et de la conscience*. Paris: Editions Sociales.
- [6] Trần Đức Thảo (1989), *Vấn đề con người và chủ nghĩa lý luận không có con người*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- [7] Trần Đức Thảo (2004), *Sự hình thành con người*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [8] www.vietnamnet.vn

